TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **494**/2020/HNGĐ-ST Ngày: 27-4-2020 Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhung.

Bà Phan Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Hà Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 160/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 1535/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020; Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hoàng T**, sinh năm 1990; địa chỉ: Số X Lô B chung cư X, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Sh**, sinh năm 1969; Quốc tịch: Hàn Quốc; địa chỉ: Hàn Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng T trình bày:

Bà và ông Sh quen biết nhau vào năm 2015 qua giới thiệu của bạn bè. Đến năm 2016, hai người tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn Số X1 do Ủy ban nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 5 năm 2016. Sau khi kết hôn, tháng 7 năm 2016 bà cùng chồng sang Hàn Quốc sinh sống nhưng chỉ được 02 tuần thì bà trở về Việt Nam do ông Sh không trung thực; thực tế, ông Sh không có việc làm và chỗ ở ổn định tại Hàn Quốc, có nhiều

khoản nợ phải sử dụng tiền mừng đám cưới tại Việt Nam để chi trả. Khoảng 02 tuần sau đó bà trở lại Hàn Quốc chung sống cùng chồng đến khi sinh con; nhưng bất đồng về ngôn ngữ và quan điểm sống dẫn đến vợ chồng bà thường xuyên cãi vã. Do con còn nhỏ, ông Sh thường xuyên vắng nhà nên bà nhiều lần phải trở về Việt Nam để nhờ mẹ của bà hỗ trợ chăm sóc con, trong khoảng thời gian này ông Sh hoàn toàn không hỗ trợ bà về mặt tài chính. Ngay cả khoảng thời gian bà ở Hàn Quốc ông Sh cũng không chăm sóc vợ con được chu đáo. Từ năm 2017 đến nay, bà cùng con trở về Việt Nam sinh sống. Do không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân như hiện tại, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Sh.

Về con chung: Giữa bà và ông Sh có 01 con chung là Shin J, giới tính: Nam, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2016. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu ông Sh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa bà và ông Sh không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Đối với bị đơn ông Sh:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian và địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Sh có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà Nguyễn Thị Hoàng T khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi con (theo Công văn ủy thác tư pháp số 342/UTTPDS-TA30 ngày 13 tháng 6 năm 2019). Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được văn bản thông báo về kết quả tống đạt cũng như bản tự khai, tài liệu, chứng cứ của bị đơn và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Để đảm bảo việc giải quyết vụ án theo đúng thời hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thủ tục ủy thác tư pháp không có kết quả nên Tòa án giải quyết vụ án theo luật định.

Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng T thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Hàn Quốc, nhưng ông Sh không có việc làm và nơi ở nên sau khi bà T sinh con, bà T không nhận được sự quan tâm, chăm sóc cũng như hỗ trợ về tài chính trong việc nuôi dưỡng con chung. Từ năm 2017 bà T cùng con trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không đạt được, mỗi người sống mỗi nơi là không còn khả năng hòa giải, đoàn tụ gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung hiện do bà T nuôi dưỡng, chăm sóc. Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện nguyên đơn đủ khả năng về tài chính, nơi ở và đang đảm bảo được việc nuôi dưỡng tốt con chung. Do đó, việc tiếp tục giao con chung cho bà Nguyễn Thị Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng T xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh; căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn trong vụ án là ông Sh quốc tịch Hàn Quốc, hiện đang cư trú tại Hàn Quốc; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng T cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã tống đạt thông báo về thời gian và địa điểm mở phiên tòa cho bị đơn thông qua thủ tục ủy thác tư pháp nhưng không có thông báo về kết quả tống đạt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Xét, yêu cầu và ý kiến của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Khoản 4 và 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Trong vụ án này các đương sự không còn thực tế chung sống, Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại Khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; Giấy chứng nhận kết hôn Số X1 do Ủy ban nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 5 năm 2016, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hoàng T với ông Sh được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

Theo trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng T thì sau khi kết hôn và sinh sống tại Hàn Quốc, ông Sh không có công việc tạo thu nhập để chăm lo cho gia đình; bất đồng về ngôn ngữ và quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà T đã phải trở về Việt Nam nhiều lần để nhờ gia đình hỗ trợ nuôi dưỡng con chung. Từ năm 2017 đến nay, bà T cùng con chung sinh sống tại Việt Nam, ông Sh không chu cấp tiền hay về Việt Nam thăm vợ con. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; bà T và ông Sh đã không còn chung sống trong khoảng thời gian dài thể hiện cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Nguyễn Thị Hoàng T được ly hôn với ông Sh như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về con chung:

Căn cứ bản sao trích lục ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh số X3 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc (Đã ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc số X4 ngày 27 tháng 6 năm 2017), có cơ sở để xác định giữa bà Nguyễn Thị Hoàng T và ông Sh có 01 con chung là trẻ Shin J, giới tính: Nam, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2016.

Căn cứ Bản sao Sổ hộ khẩu, Giấy xác nhận của Trường mẫu giáo Bình An, Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tờ xác nhận số dư của ngân hàng do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, có cơ sở để xác định trẻ Shin J do bà Nguyễn Thị Hoàng T nuôi dưỡng, đảm bảo việc học tập, giáo dục và bà T có đủ khả năng về tài chính để nuôi dưỡng con chung.

Do đó, việc giao con chung cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[4] Về cấp dưỡng: Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng T là người được giao quyền nuôi dưỡng con chung không yêu cầu bị đơn ông Sh cấp dưỡng là tự

nguyện; bà T có đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không buộc ông Sh cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày giữa bà và ông Sh không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 3 Điều 153, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và 3 Điều 228, Khoản 4 và 5 Điều 477, Khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 19, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 121 và 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng T:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Hoàng T được ly hôn với ông Sh.

Giấy chứng nhận kết hôn Số X1 do Ủy ban nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 5 năm 2016 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giữa bà Nguyễn Thị Hoàng T và ông Sh có 01 con chung là trẻ Shin J, giới tính: Nam, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2016; giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Sh cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số X5 ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng T có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Sh theo quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thời hạn kháng cáo của bị đơn là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Quận Q, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS. (TC20)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn